BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D101 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01675**	1822015	Phan Thanh	Phong	12/09/2000	CĐKDXK22G2	
2	**01676**	1850793	Nguyễn Chi	Phú	15/06/2000	CĐLOGT22E	
3	**01677**	1831440	Phan Thị Kim	Phú	28/11/2000	CĐMATM22M	
4	**01678**	1821787	Phan Thị Diễm	Phúc	12/01/2000	CĐKDXK22F5	
5	**01679**	1851366	Nguyễn Hoàng	Phúc	27/03/2000	CĐTATM22Q	
6	**01680**	1831567	Võ Hoàng	Phúc	20/10/2000	CĐMATM22N	
7	**01681**	1810208	Hồ Minh	Phụng	23/02/2000	CĐKTDN22B	
8	**01682**	1851514	Nguyễn Anh	Phụng	06/08/2000	CĐTATM22T	
9	**01683**	1830067	Nguyễn Thị Kim	Phụng	08/05/2000	CĐQTKS22A	
10	**01684**	1831416	Võ Ngọc	Phụng	10/08/2000	CĐQTDN22H	
11	**01685**	1820121	Trần Ngọc	Phước	15/12/2000	CĐKDXK22A3	
12	**01686**	1820298	Lê Ngọc	Phước	30/04/2000	CĐKDXK22B1	
13	**01687**	1831241	Nguyễn Thị Mỹ	Phước	11/09/2000	CĐQTDN22G	
14	**01688**	1830787	Trần Lê Hoàng	Phước	12/09/2000	CĐQTDN22E	
15	**01689**	1820623	Bùi Tuấn	Phương	24/04/2000	CĐKDXK22C1	
16	**01690**	1820684	Trần Thị Lam	Phương	15/12/2000	CĐKDXK22C2	
17	**01691**	1830065	Thẩm Thị Hồng	Phương	23/02/2000	CĐQTDN22A	
18	**01692**	1850122	Võ Minh	Phương	18/09/2000	CĐTATM22C	
19	**01693**	1831214	Huỳnh Thị Như	Phương	27/07/2000	CĐMATM22K	
20	**01694**	1850938	Lương Chúc	Phương	01/01/2000	CĐLOGT22M	
21	**01695**	1821018	Chu Lệ	Phương	29/02/2000	CĐKDXK22D2	
22	**01696**	1831292	Phan Thị Thu	Phương	31/07/2000	CĐMATM22H	
23	**01697**	1821824	Trương Thanh	Phương	27/12/1999	CĐKDXK22F5	
24	**01698**	1820787	Đặng Thị Lê	Phương	15/05/2000	CĐKDXK22C4	
25	**01699**	1830223	Nguyễn Thị Lan	Phương	21/11/2000	CĐMATM22B	
26	**01700**	1820398	Ngô Thị Hồng	Phương	02/06/2000	CĐKDXK22B3	
27	**01701**	1820789	Thái Tuấn	Phương	07/08/1999	CĐKDXK22C4	
28	**01702**	1830688	Trần Thị Kiều	Phương	17/02/2000	CĐMATM22F	
29	**01703**	1830531	Trần Thị Yến	Phương	25/09/2000	CĐQTKS22E	
30	**01704**	1830071	Lý Nguyên	Phương	22/12/2000	CĐQTKS22A	
31	**01705**	1830014	Đặng Thị Mỹ	Phương	31/08/2000	CĐQTDN22A	
32	**01706**	1820978	Lê Thị Thanh	Phương	18/06/2000	CĐKDXK22D2	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D102 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01707**	1820685	Trần Ngọc	Phưởng	30/05/2000	CĐKDXK22C2	
2	**01708**	1820323	Lê Thị	Phượng	11/10/2000	CĐLOGT22B	
3	**01709**	1810028	Nguyễn Huỳnh Bích	Phượng	08/05/2000	CĐKTDN22A	
4	**01710**	1820098	Lê Thị Hồng	Phượng	01/06/2000	CĐKDXK22A2	
5	**01711**	1831460	Bùi Thị Ngọc	Phượng	07/05/2000	CĐKDXK22E3	
6	**01712**	1811114	Hà Nguyễn Trúc	Phượng	12/07/2000	CĐKTDN22I	
7	**01713**	1821725	Nguyễn Thị Bích	Phượng	23/05/2000	CĐLOGT22L	
8	**01714**	1821227	Đỗ Thị Bích	Phượng	16/06/2000	CĐKDXK22D6	
9	**01715**	1821529	Ngô Thị Tuyết	Phượng	22/02/2000	CĐKDXK22E6	
10	**01716**	1820730	Lê Thị Bích	Phượng	29/03/2000	CĐKDXK22C3	
11	**01717**	1821468	Nguyễn Thị Bích	Phượng	19/04/2000	CĐLOGT22I	
12	**01718**	1831359	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	01/01/2000	CĐMATM22L	
13	**01719**	1831336	Nguyễn Thị	Phượng	05/12/2000	CĐMATM22L	
14	**01720**	1831529	Huỳnh Trung	Quân	08/09/2000	CĐQTKS22O	
15	**01721**	1830116	Nguyễn Minh	Quang	09/10/2000	CĐQTKS22B	
16	**01722**	1821531	Võ Thị Ngọc	Quế	08/07/2000	CĐLOGT22I	
17	**01723**	1810316	Đăng Thị Mai	Quế	10/01/2000	CĐKTDN22D	
18	**01724**	1831414	Nguyễn Anh	Quốc	11/02/2000	CĐQTKS22N	
19	**01725**	1821878	Bùi Thị	Quý	03/03/2000	CĐKDXK22F6	
20	**01726**	1811446	Đỗ Thị Minh	Qúy	01/12/2000	CĐKTDN22L	
21	**01727**	1811786	Ngô Châu	Quyên	23/03/2000	CĐKTDN22N	
22	**01728**	1850362	Nguyễn Trúc	Quyên	06/05/2000	CĐTATM22G	
23	**01729**	1820190	Võ Thị Ngọc	Quyên	21/07/2000	CĐKDXK22A4	
24	**01730**	1822047	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	20/10/2000	CĐKDXK22C2	
25	**01731**	1850129	Nguyễn Thị Ái	Quyên	15/04/2000	CĐTATM22D	
26	**01732**	1831244	Phạm Kiều	Quyên	05/10/2000	CĐMATM22K	
27	**01733**	1810999	Nguyễn Thị Thu	Quyên	06/03/2000	CĐKTDN22H	
28	**01734**	1830339	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	20/04/2000	CĐQTKS22C	
29	**01735**	1820669	Nguyễn Trần Thanh	Quyên	12/02/2000	CĐKDXK22C2	
30	**01736**	1820547	Nguyễn Thị	Quyên	09/05/2000	CĐKDXK22B5	
31	**01737**	1811462	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	17/06/2000	CĐKTDN22L	
32	**01738**	1830793	Đặng Thảo	Quyên	31/03/2000	CĐQTDN22E	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: D103 **Nhóm:**

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01739**	1830373	Biền Thị Phương	Quyên	29/04/2000	CĐQTKS22D	
2	**01740**	1821776	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	24/03/2000	CĐKDXK22F4	
3	**01741**	1831927	Chu Thị Lệ	Quyên	29/03/2000	CĐTMDT22C	
4	**01742**	1821598	Bùi Thị Ngọc	Quyền	05/11/2000	CĐKDXK22F1	
5	**01743**	1830733	Phan Như	Quyền	05/07/2000	CĐMATM22F	
6	**01744**	1831602	Nguyễn Trần Diễm	Quỳnh	10/07/2000	CĐMATM22N	
7	**01745**	1850384	Nguyễn Thuý	Quỳnh	16/08/2000	CĐTATM22G	
8	**01746**	1821081	Đặng Hoàng Như	Quỳnh	19/12/2000	CĐKDXK22D4	
9	**01747**	1811648	Thái Thị	Quỳnh	02/10/2000	CĐKTDN22N	
10	**01748**	1821217	Trần Thị Như	Quỳnh	07/12/2000	CĐKDXK22D6	
11	**01749**	1820223	Trần Thị Như	Quỳnh	24/11/2000	CĐKDXK22A5	
12	**01750**	1821918	Ngô Thị Thúy	Quỳnh	20/05/2000	CĐKDXK22G1	
13	**01751**	1850001	Nguyễn Phương	Quỳnh	24/10/2000	CĐTATM22A	
14	**01752**	1850943	Chu Thị Ngọc	Quỳnh	25/08/2000	CĐTATM22K	
15	**01753**	1851392	Giáp Thị Diễm	Quỳnh	15/03/2000	CĐTATM22Q	
16	**01754**	1831153	Võ Nguyễn Như	Quỳnh	13/07/2000	CĐQTKS22L	
17	**01755**	1810674	Phan Như	Quỳnh	05/07/2000	CĐKTDN22F	
18	**01756**	1820269	Nguyễn Kim	Quỳnh	08/09/2000	CĐKDXK22A6	
19	**01757**	1820296	Chung Vỏ Như	Quỳnh	15/06/2000	CĐKDXK22A6	
20	**01758**	1821637	Ngô Thị Trúc	Quỳnh	29/10/2000	CĐKDXK22F2	
21	**01759**	1830244	Nguyễn Thị Thu	Sa	19/05/2000	CĐQTKS22C	
22	**01760**	1831617	Nguyễn Thị Hồng	Sa	28/06/2000	CĐQTDN22I	
23	**01761**	1830277	Phạm Đắc	Sắc	25/07/2001	CĐQTKS22C	
24	**01762**	1830026	Mã Hoàng	Sang	31/10/2000	CĐQTDN22A	
25	**01763**	1810013	Đỗ Thị	Sang	15/02/2000	CĐKTDN22A	
26	**01764**	1851428	Nguyễn Minh	Sang	02/01/2000	CĐTATM22R	
27	**01765**	1820290	Nguyễn Hữu	Sang	02/07/2000	CĐKDXK22A6	
28	**01766**	1810482	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	14/09/2000	CĐKTDN22E	
29	**01767**	1831932	Lê Thanh	Sơn	18/03/2000	CĐMATM22Q	
30	**01768**	1831334	Trần Văn	Sơn	10/09/2000	CĐQTKS22N	
31	**01769**	1831302	Huỳnh Thị Thu	Sương	27/01/2000	CĐMATM22L	
32	**01770**	1820520	Nguyễn Thị Thu	Sương	02/04/2000	CĐKDXK22B5	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D104 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01771**	1821595	Mai Thảo	Sương	03/03/2000	CĐKDXK22F1	
2	**01772**	1820998	Trần Thị Như	Sương	04/11/2000	CĐKDXK22D2	
3	**01773**	1820158	Phùng Thị Thu	Sương	04/06/2000	CĐKDXK22A4	
4	**01774**	1821283	Võ Thị Thanh	Sương	27/01/2000	CĐKDXK22E1	
5	**01775**	1820720	Đinh Tấn	Tài	07/11/2000	CĐLOGT22D	
6	**01776**	1810036	Hồ Thị Minh	Tâm	12/11/2000	CĐKTDN22A	
7	**01777**	1811602	Hoàng Thị Minh	Tâm	02/07/2000	CĐKTDN22M	
8	**01778**	1830708	Lại Thị Vân	Tâm	16/07/2000	CĐQTDN22D	
9	**01779**	1850093	Nguyễn Thị	Tâm	06/04/2000	CĐTATM22C	
10	**01780**	1811833	Phan Thanh	Tâm	31/03/2000	CĐKTDN22O	
11	**01781**	1811461	Nguyễn Thị Phương	Tâm	12/09/2000	CĐKTDN22L	
12	**01782**	1851949	Đỗ Linh	Tâm	16/06/2000	CĐTATM22V	
13	**01783**	1830764	Phạm Thị Minh	Tâm	16/01/2000	CĐTMDT22C	
14	**01784**	1851316	Thân Thị Thanh	Tâm	26/02/2000	CĐTATM22P	
15	**01785**	1820952	Lê Thị Thu	Tâm	11/08/2000	CĐLOGT22F	
16	**01786**	1820047	Nguyễn Khánh	Tân	05/01/2000	CĐKDXK22A1	
17	**01787**	1830597	Dương Minh	Tấn	13/02/2000	CĐQTKS22F	
18	**01788**	1810864	Nguyễn Ngọc	Thạch	28/08/2000	CĐKTDN22G	
19	**01789**	1831816	Nguyễn Quốc	Thái	22/12/2000	CĐMATM22P	
20	**01790**	1831725	Nguyễn Thị Kim	Thái	29/05/2000	CĐQTKS22Q	
21	**01791**	1830872	Nguyễn Duy	Thái	21/03/2000	CĐMATM22G	
22	**01792**	1831242	Nguyễn Vạn	Thái	10/08/2000	CĐQTDN22G	
23	**01793**	1831297	Trương Thị Hồng	Thắm	24/11/2000	CĐQTDN22G	
24	**01794**	1821472	Huỳnh Thị Lệ	Thắm	09/05/2000	CĐKDXK22E5	
25	**01795**	1811632	Đỗ Thị Hồng	Thắm	08/09/2000	CĐKTDN22N	
26	**01796**	1831116	Lê Thị Hồng	Thắm	08/10/2000	CĐLOGT22G	
27	**01797**	1830142	Lê Thị Ngọc	Thắm	05/11/2000	CĐQTDN22B	
28	**01798**	1821969	Nguyễn Quyết	Thắng	15/10/2000	CĐKDXK22G2	
29	**01799**	1832031	Nguyễn Văn	Thắng	11/02/2000	CĐTMDT22C	
30	**01800**	1821848	Nguyễn Cao	Thắng	03/11/2000	CĐKDXK22F6	
31	**01801**	1821858	Nguyễn Chí	Thắng	27/10/2000	CĐLOGT22M	
32	**01802**	1850162	Huỳnh Kim	Thanh	07/07/2000	CĐTATM22D	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D201 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01803**	1851476	Bùi Thị Phương	Thanh	14/03/2000	CĐTATM22S	
2	**01804**	1831377	Bùi Tuấn	Thanh	17/10/2000	CĐMATM22L	
3	**01805**	1811449	Bùi Thị Kim	Thanh	10/03/2000	CĐKTDN22L	
4	**01806**	1822020	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	10/09/2000	CĐKDXK22G2	
5	**01807**	1811309	Nguyễn Thị Phương	Thanh	06/04/2000	CĐKTDN22K	
6	**01808**	1820414	Nguyễn Nguyên	Thanh	18/10/2000	CĐKDXK22B3	
7	**01809**	1840847	Nguyễn Thụy Nhật	Thanh	28/11/2000	CĐTCDN22B	
8	**01810**	1830183	Lê Hồng	Thanh	09/11/2000	CĐMATM22B	
9	**01811**	1850953	Nguyễn Thị Kim	Thanh	24/03/2000	CĐTATM22L	
10	**01812**	1850047	Hồng Phương	Thanh	21/05/2000	CĐTATM22B	
11	**01813**	1821071	Châu Tú	Thanh	10/03/2000	CĐLOGT22F	
12	**01814**	1831365	Nguyễn Thị Thu	Thanh	18/07/2000	CĐMATM22L	
13	**01815**	1820880	Nguyễn Chí	Thành	30/04/2000	CĐKDXK22C6	
14	**01816**	1820080	Nguyễn Hoàng Chí	Thạnh	19/11/2000	CĐLOGT22A	
15	**01817**	1832018	Lê Lý Kim	Thảo	28/03/2000	CĐQTKS22Q	
16	**01818**	1831287	Hà Thị	Thảo	11/03/2000	CĐQTKS22M	
17	**01819**	1821898	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/05/2000	CĐQTDN22K	
18	**01820**	1820469	Trần Thị Phương	Thảo	23/10/2000	CĐKDXK22B4	
19	**01821**	1830616	Nguyễn Hồ Thạch	Thảo	14/04/2000	CĐQTDN22D	
20	**01822**	1851307	Trương Minh Thanh	Thảo	12/04/2000	CĐTATM22O	
21	**01823**	1821800	Trần Nhật	Thảo	09/04/2000	CĐLOGT22L	
22	**01824**	1812017	Phan Thị Phương	Thảo	18/06/2000	CĐKTDN22F	
23	**01825**	1820422	Đặng Thị	Thảo	20/04/2000	CĐKDXK22B3	
24	**01826**	1832010	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	13/08/2000	CĐQTDN22H	
25	**01827**	1820686	Bùi Thị Thu	Thảo	10/08/2000	CĐKDXK22C2	
26	**01828**	1831043	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	29/09/2000	CĐMATM22H	
27	**01829**	1820107	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/03/2000	CĐKDXK22H	
28	**01830**	1821578	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/10/2000	CĐKDXK22F1	
29	**01831**	1821613	Võ Thị Kim	Thảo	06/06/2000	CĐLOGT22K	
30	**01832**	1831316	Trần Thị Thanh	Thảo	07/02/2000	CĐQTKS22M	
31	**01833**	1821298	Điền Thị Phương	Thảo	24/03/2000	CĐKDXK22E1	
32	**01834**	1821459	Cao Thị Lệ	Thảo	01/12/2000	CĐKDXK22E5	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D202 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01835**	1820843	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	23/11/2000	CĐKDXK22C5	
2	**01836**	1811459	Phạm Thị	Thảo	12/12/2000	CĐKTDN22L	
3	**01837**	1811615	Cao Thị Thu	Thảo	05/03/2000	CĐKTDN22M	
4	**01838**	1820976	Nguyễn Thị	Thảo	28/04/2000	CĐKDXK22D2	
5	**01839**	1821291	Lê Thị Thu	Thảo	29/12/2000	CĐKDXK22E1	
6	**01840**	1831696	Dương Hoàng Phương	Thảo	26/08/2000	CĐQTKS22Q	
7	**01841**	1850038	Lê Thị Ngọc	Thảo	30/04/2000	CĐTATM22A	
8	**01842**	1830336	Phạm Thị Thanh	Thảo	13/05/2000	CĐQTKS22C	
9	**01843**	1821510	Trương Thị	Thảo	14/12/2000	CĐLOGT22I	
10	**01844**	1820328	Nguyễn Thị Minh	Thảo	08/07/2000	CĐKDXK22B1	
11	**01845**	1820173	Lục Lê Phương	Thảo	15/10/1998	CĐKDXK22A4	
12	**01846**	1830358	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/02/2000	CĐQTDN22C	
13	**01847**	1821119	Trần Thị	Thảo	01/09/2000	CĐKDXK22D4	
14	**01848**	1820268	Phạm Thị Thanh	Thảo	11/06/2000	CĐKDXK22A6	
15	**01849**	1821520	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/04/2000	CĐKDXK22E6	
16	**01850**	1850792	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/08/2000	CĐTATM22H	
17	**01851**	1821882	Nguyễn Thị	Thảo	24/08/2000	CĐKDXK22F6	
18	**01852**	1830372	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/10/2000	CĐQTKS22D	
19	**01853**	1830393	Trần Thị Dạ	Thảo	09/12/2000	CĐQTKS22D	
20	**01854**	1811112	Huỳnh Thu	Thảo	31/05/2000	CĐKTDN22I	
21	**01855**	1830173	Phan Trần Thu	Thảo	19/03/2000	CĐMATM22B	
22	**01856**	1831830	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/02/2000	CĐQTKS22O	
23	**01857**	1820180	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/02/2000	CĐKDXK22A4	
24	**01858**	1840837	Nguyễn Ngọc Dạ	Thảo	15/09/2000	CĐKDXK22E2	
25	**01859**	1830391	Phạm Thị	Thảo	15/02/2000	CĐQTDN22C	
26	**01860**	1830262	Trần Thị Thu	Thảo	05/03/2000	CĐMATM22C	
27	**01861**	1830916	Trần Thị Thu	Thảo	01/01/2000	CĐQTDN22E	
28	**01862**	1850195	Huỳnh Thị	Thảo	21/04/2000	CĐTATM22E	
29	**01863**	1820052	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/10/2000	CĐKDXK22A2	
30	**01864**	1811791	Nguyễn Thị	Thêm	15/03/2000	CĐKTDN22O	
31	**01865**	1830060	Nguyễn Anh	Thi	30/03/2000	CĐTMDT22A	
32	**01866**	1821892	Đặng Thị Cẩm	Thi	17/01/2000	CĐKDXK22G1	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D203 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01867**	1822027	Nguyễn Ngọc	Thi	11/09/2000	CĐKDXK22C4	
2	**01868**	1851377	Đinh Thị Hồng	Thi	05/08/2000	CĐTATM22Q	
3	**01869**	1820680	Nguyễn Kim	Thi	15/04/2000	CĐKDXK22C2	
4	**01870**	1821642	Cao Anh	Thi	29/07/2000	CĐKDXK22F2	
5	**01871**	1820468	Lê Quốc	Thiện	17/05/2000	CĐLOGT22C	
6	**01872**	1831054	Nguyễn Văn	Thiện	16/07/1999	CĐMATM22I	
7	**01873**	1831074	Trần Minh	Thiện	19/03/2000	CĐMATM22I	
8	**01874**	1830550	Trần Xuân	Thiện	08/10/2000	CĐQTDN22D	
9	**01875**	1831176	Trần Thị	Thiện	16/04/2000	CĐMATM22I	
10	**01876**	1821173	Nguyễn Thị	Thiện	20/02/1999	CĐKDXK22D5	
11	**01877**	1831772	Phạm Thị	Thiết	08/04/1998	CĐQTKS22Q	
12	**01878**	1830017	Vi Phú	Thịnh	15/02/2000	CĐTMDT22A	
13	**01879**	1820226	Nguyễn Văn	Thịnh	01/02/2000	CĐKDXK22A5	
14	**01880**	1840008	Nguyễn Diệu	Thơ	01/08/2000	CĐLOGT22A	
15	**01881**	1820697	Huỳnh Thị Anh	Thơ	05/05/2000	CĐKDXK22C2	
16	**01882**	1821951	Lưu Thị Kim	Thơ	27/10/2000	CĐLOGT22M	
17	**01883**	1831582	Đinh Hồng	Thơ	05/11/2000	CĐQTKS22P	
18	**01884**	1831347	Nguyễn Lê Hoàng	Thơ	11/07/2000	CĐQTKS22N	
19	**01885**	1830910	Phạm Thị Mỹ	Thoa	01/01/2000	CĐMATM22G	
20	**01886**	1820312	Chánh Thị Huỳnh	Thơm	19/08/2000	CĐKDXK22B1	
21	**01887**	1851177	Phạm Thị Hương	Thu	04/03/1999	CĐTATM22L	
22	**01888**	1820366	Lê Thị Lệ	Thu	02/02/2000	CĐKDXK22B2	
23	**01889**	1820046	Lâm Hoài	Thu	27/09/2000	CĐLOGT22A	
24	**01890**	1850956	Nguyễn Thị Kiều	Thu	07/04/2000	CĐTATM22L	
25	**01891**	1830186	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	24/01/2000	CĐQTDN22B	
26	**01892**	1811475	Lê Thị	Thu	20/10/2000	CĐQTDN22H	
27	**01893**	1810038	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	11/03/2000	CĐKTDN22A	
28	**01894**	1830717	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	20/07/2000	CĐMATM22F	
29	**01895**	1821361	Nguyễn Thị Hoài	Thu	23/09/2000	CĐKDXK22E3	
30	**01896**	1851260	Đỗ Thị	Thu	18/01/2000	CĐTATM22N	
31	**01897**	1831535	Lâm Thị Kiêm	Thu	22/07/2000	CĐMATM22N	
32	**01898**	1820342	Lê Thị Anh	Thư	22/03/2000	CĐKDXK22B1	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D204 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01899**	1821736	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	11/02/2000	CĐKDXK22F4	
2	**01900**	1821104	Phạm Trần Thị Minh	Thư	28/09/2000	CĐKDXK22D4	
3	**01901**	1850182	Trần Lê Minh	Thư	25/04/2000	CĐTATM22E	
4	**01902**	1821936	Nguyễn Phạm Anh	Thư	06/01/2000	CĐKDXK22G1	
5	**01903**	1811110	Phạm Thị Anh	Thư	06/06/2000	CĐKTDN22I	
6	**01904**	1821433	Bùi Thị Anh	Thư	07/01/2000	CĐKDXK22E4	
7	**01905**	1811623	Đoàn Phạm Minh	Thư	12/03/2000	CĐKTDN22N	
8	**01906**	1820959	Nguyễn Thị Anh	Thư	24/05/2000	CĐKDXK22D1	
9	**01907**	1821580	Nguyễn Cao Lệ	Thư	23/09/2000	CĐLOGT22K	
10	**01908**	1830694	Cao Thị An	Thư	20/11/2000	CĐQTKS22G	
11	**01909**	1831442	Phan Nguyễn Anh	Thư	28/02/2000	CĐQTDN22H	
12	**01910**	1821896	Hoàng Minh	Thư	24/05/2000	CĐLOGT22M	
13	**01911**	1830753	Huỳnh Thị Minh	Thư	25/08/2000	CĐQTDN22E	
14	**01912**	1821514	Trần Thị Anh	Thư	27/03/2000	CĐKDXK22E6	
15	**01913**	1821533	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	13/04/2000	CĐLOGT22I	
16	**01914**	1851256	Đoàn Thị Minh	Thư	17/10/2000	CĐTATM22N	
17	**01915**	1830465	Trương Nguyễn Anh	Thư	08/01/2000	CĐQTDN22C	
18	**01916**	1831200	Trần Thị Anh	Thư	18/02/2000	CĐQTKS22L	
19	**01917**	1821189	Trương Thị Minh	Thư	22/01/2000	CĐKDXK22D5	
20	**01918**	1831472	Trần Huỳnh Anh	Thư	13/06/2000	CĐQTKS22O	
21	**01919**	1831201	Trần Thị Minh	Thư	18/02/2000	CĐMATM22K	
22	**01920**	1820229	Nguyễn Thị Anh	Thư	15/03/2000	CĐLOGT22B	
23	**01921**	1821758	Lê Thị Anh	Thư	05/04/2000	CĐKDXK22F4	
24	**01922**	1830526	Trương Minh	Thư	04/09/2000	CĐQTKS22E	
25	**01923**	1850777	Nguyễn Thị Minh	Thư	11/04/2000	CĐTATM22H	
26	**01924**	1851299	Nguyễn Thị Thanh	Thư	10/07/2000	CĐTATM22O	
27	**01925**	1820310	Phan Thị Minh	Thư	20/12/1999	CĐKDXK22B1	
28	**01926**	1821562	Nguyễn Thị Anh	Thư	06/11/2000	CĐKDXK22E6	
29	**01927**	1830089	Lê Mỹ	Thư	16/01/2000	CĐQTKS22A	
30	**01928**	1820221	Phạm Anh	Thư	25/10/2000	CĐLOGT22B	
31	**01929**	1821138	Lê Mỹ	Thuận	19/09/2000	CĐKDXK22D5	
32	**01930**	1821208	Trần Thị Bích	Thuận	11/01/2000	CĐKDXK22D6	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D301 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01931**	1830931	Hồ Đức	Thuận	19/08/2000	CĐLOGT22E	
2	**01932**	1831813	Lê Thị Ngọc	Thuận	24/02/2000	CĐQTKS22R	
3	**01933**	1821058	Trần Tấn	Thục	22/12/2000	CĐKDXK22D3	
4	**01934**	1820591	Nguyễn Thị Quỳnh	Thương	06/07/2000	CĐLOGT22C	
5	**01935**	1820779	Nguyễn Kim	Thương	30/06/2000	CĐKDXK22C4	
6	**01936**	1820974	Văn Thị Hoài	Thương	21/10/2000	CĐKDXK22D2	
7	**01937**	1830443	Nguyễn Thị Hoài	Thương	27/09/2000	CĐQTKS22D	
8	**01938**	1851373	Phạm Hoài	Thương	21/04/2000	CĐTATM22Q	
9	**01939**	1820810	Nguyễn Thị Hoài	Thương	26/09/2000	CĐKDXK22C5	
10	**01940**	1821059	Phan Thị Thanh	Thương	31/05/2000	CĐKDXK22D3	
11	**01941**	1831762	Lê Thị Mỹ	Thương	12/02/2000	CĐQTDN22K	
12	**01942**	1821743	Nguyễn Thị Hoài	Thương	13/12/2000	CĐKDXK22F4	
13	**01943**	1820291	Nguyễn Lê Thu	Thuỷ	10/02/2000	CĐKDXK22A6	
14	**01944**	1810971	Lê Thanh	Thuỷ	18/06/2000	CĐKDXK22D3	
15	**01945**	1832068	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	25/02/2000	CĐQTKS22R	
16	**01946**	1831744	Trần Thị Minh	Thúy	10/05/2000	CĐMATM22P	
17	**01947**	1830614	Phan Thị Thanh	Thúy	10/02/2000	CĐMATM22E	
18	**01948**	1831765	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	10/10/2000	CĐQTKS22Q	
19	**01949**	1821625	Nguyễn Thị Thu	Thúy	11/03/2000	CĐLOGT22K	
20	**01950**	1820837	Dương Thị Thu	Thúy	11/08/2000	CĐKDXK22C5	
21	**01951**	1820502	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/01/2000	CĐKDXK22B5	
22	**01952**	1821461	Phạm Thị	Thúy	14/07/2000	CĐKDXK22E5	
23	**01953**	1850087	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	19/10/2000	CĐTATM22C	
24	**01954**	1821308	Hoàng Thị	Thúy	11/07/2000	CĐKDXK22E2	
25	**01955**	1830791	Nguyễn Thu	Thúy	22/12/2000	CĐQTDN22E	
26	**01956**	1831380	Đỗ Thị	Thùy	20/08/2000	CĐMATM22L	
27	**01957**	1830917	Trần Thị Thanh	Thùy	02/11/2000	CĐLOGT22E	
28	**01958**	1831511	Bùi Thu	Thùy	02/11/2000	CĐQTKS22O	
29	**01959**	1811471	Võ Thị Thu	Thùy	10/02/2000	CĐLOGT22K	
30	**01960**	1851374	Nguyễn Thị Kim	Thùy	25/01/2000	CĐTATM22Q	
31	**01961**	1821320	Kiều Lê Xuân	Thùy	24/08/2000	CĐKDXK22E2	
32	**01962**	1831458	Nguyễn Thị Phương	Thùy	10/10/2000	CĐQTKS22O	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D302 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01963**	1831737	Nguyễn Thị Kim	Thùy	10/10/2000	CĐTMDT22C	
2	**01964**	1831795	Võ Thị Lệ	Thùy	17/07/2000	CĐQTKS22Q	
3	**01965**	1850785	Trần Thị Phương	Thùy	26/02/2000	CĐTATM22H	
4	**01966**	1821860	Phùng Thị Bích	Thủy	14/02/2000	CĐKDXK22F6	
5	**01967**	1850910	Nguyễn Hồng	Thủy	05/11/2000	CĐTATM22K	
6	**01968**	1820694	Ngô Thị Thanh	Thủy	14/03/2000	CĐKDXK22C2	
7	**01969**	1851309	Nguyễn Thu	Thủy	10/12/2000	CĐTATM22O	
8	**01970**	1821619	Trần Thị Thanh	Thủy	10/06/2000	CĐKDXK22F1	
9	**01971**	1830870	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	28/10/2000	CĐQTDN22E	
10	**01972**	1811792	Nguyễn Thị Phương	Thủy	04/07/2000	CĐKTDN22O	
11	**01973**	1850046	Hoàng Thị	Thủy	07/02/2000	CĐTATM22B	
12	**01974**	1831646	Trần Nguyễn Thu	Thủy	23/09/2000	CĐQTDN22I	
13	**01975**	1830647	Nguyễn Thị Bích	Thủy	29/07/2000	CĐMATM22E	
14	**01976**	1821140	Phùng Thị Hoàng	Thủy	16/04/2000	CĐKDXK22D5	
15	**01977**	1830971	Phạm Nguyễn Như	Thụy	23/07/2000	CĐQTDN22E	
16	**01978**	1821783	Nguyễn Lễ Xuân	Thuyên	22/02/2000	CĐKDXK22F5	
17	**01979**	1831411	Cao Thị Vịnh	Thy	26/01/2000	CĐMATM22M	
18	**01980**	1851941	Hoàng Vũ Xuân	Thy	24/03/2000	CĐTATM22U	
19	**01981**	1830608	Nguyễn Thị Bé	Thy	27/06/2000	CĐQTKS22F	
20	**01982**	1851936	Nguyễn Trần Minh	Thy	30/03/2000	CĐTATM22U	
21	**01983**	1811600	Lê Ngọc Quyên	Thy	15/06/2000	CĐKTDN22M	
22	**01984**	1830703	Trần Hoàng Diễm	Thy	20/12/2000	CĐQTKS22G	
23	**01985**	1820139	Phạm Thị Ti	Ti	27/11/2000	CĐLOGT22A	
24	**01986**	1850967	Lê Thị Cẩm	Tiên	01/05/1999	CĐTATM22L	
25	**01987**	1851385	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	20/10/2000	CĐTATM22Q	
26	**01988**	1830572	Mai Thị Kiều	Tiên	06/11/2000	CĐQTKS22F	
27	**01989**	1820276	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	14/03/2000	CĐKDXK22A6	
28	**01990**	1830344	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	16/06/2000	CĐMATM22C	
29	**01991**	1831817	Phạm Thị Mỹ	Tiên	10/10/2000	CĐQTKS22R	
30	**01992**	1820690	Lê Thị Cẩm	Tiên	03/08/2000	CĐKDXK22C2	
31	**01993**	1820255	Trần Thị Thủy	Tiên	29/11/2000	CĐKDXK22A6	
32	**01994**	1820792	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	16/11/2000	CĐKDXK22C4	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D303 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**01995**	1850948	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	14/09/2000	CĐTATM22K	
2	**01996**	1830125	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	13/03/2000	CĐQTKS22B	
3	**01997**	1821353	Lê Thị Cẩm	Tiên	03/10/2000	CĐLOGT22H	
4	**01998**	1830744	Lê Thị Lan	Tiên	06/06/2000	CĐQTKS22G	
5	**01999**	1810050	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	07/09/2000	CĐKTDN22B	
6	**02000**	1830020	Dương Thị Thủy	Tiên	26/02/2000	CĐMATM22A	
7	**02001**	1851249	Võ Huỳnh Thủy	Tiên	22/10/2000	CĐQTKS22N	
8	**02002**	1820499	Trương Thị Cẩm	Tiên	25/07/2000	CĐKDXK22B5	
9	**02003**	1831715	Trần Thị Thủy	Tiên	07/10/2000	CĐQTDN22I	
10	**02004**	1850887	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/12/2000	CĐTATM22E	
11	**02005**	1821505	Đặng Thị Mỹ	Tiên	11/04/2000	CĐKDXK22E5	
12	**02006**	1830385	Phan Thị Kiều	Tiên	30/03/2000	CĐQTKS22D	
13	**02007**	1810661	Cao Thanh Mỹ	Tiên	27/08/2000	CĐKTDN22E	
14	**02008**	1811614	Nguyễn Vũ Thảo	Tiên	06/06/2000	CĐKTDN22M	
15	**02009**	1820246	Hồ Thị Thủy	Tiên	08/04/2000	CĐKDXK22A5	
16	**02010**	1821903	Phạm Vũ Kim	Tiến	21/05/2000	CĐKDXK22G1	
17	**02011**	1820899	Phan Thanh	Tiến	18/05/2000	CĐLOGT22E	
18	**02012**	1821414	Đặng Quang	Tiến	30/08/2000	CĐKDXK22E4	
19	**02013**	1830720	Từ Thị	Tiết	16/06/2000	CĐMATM22F	
20	**02014**	1830158	Trương Nhựt	Tín	16/04/1998	CĐTMDT22A	
21	**02015**	1831933	Trần Thị Trung	Tín	27/03/2000	CĐMATM22Q	
22	**02016**	1830090	Nguyễn Trung	Tín	07/12/2000	CĐTMDT22A	
23	**02017**	1820774	Khưu Hữu	Tính	10/11/2000	CĐKDXK22C4	
24	**02018**	1821023	Nguyễn Thị Thúy	Tình	23/04/2000	CĐKDXK22D3	
25	**02019**	1821678	Lê Tấn	Tịnh	14/05/2000	CĐKDXK22F2	
26	**02020**	1820528	Phạm Thị Xuân	Toan	04/07/2000	CĐKDXK22B5	
27	**02021**	1821679	Phan Đình	Toàn	24/08/2000	CĐKDXK22F3	
28	**02022**	1851171	Đặng Đức	Toàn	13/12/2000	CĐTATM22L	
29	**02023**	1831579	Trần Thiện	Toàn	07/01/2000	CĐMATM22N	
30	**02024**	1831629	Nguyễn Lê Thị Thanh	Trà	06/10/2000	CĐQTDN22I	
31	**02025**	1821257	Bùi Thị Minh	Trâm	06/10/2000	CĐKDXK22E1	
32	**02026**	1820826	Lê Thị Hồng	Trâm	08/12/2000	CĐKDXK22C5	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D304 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02027**	1820056	Võ Ngọc	Trâm	03/07/2000	CĐKDXK22A2	
2	**02028**	1821847	Phạm Ngọc	Trâm	05/12/2000	CĐLOGT22L	
3	**02029**	1851248	Nguyễn Bích	Trâm	22/01/2000	CĐTATM22N	
4	**02030**	1821938	Võ Thị Anh	Trâm	23/06/2000	CĐLOGT22M	
5	**02031**	1830794	Nguyễn Thị Mai	Trâm	04/07/2000	CĐQTKS22H	
6	**02032**	1851227	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	08/05/2000	CĐTATM22M	
7	**02033**	1830969	Dương Thị Ngọc	Trâm	10/10/2000	CĐMATM22H	
8	**02034**	1820634	Nguyễn Hoàng Anh	Trâm	08/05/2000	CĐKDXK22C1	
9	**02035**	1830811	Lê Thị Thuỳ	Trâm	23/09/2000	CĐMATM22F	
10	**02036**	1830893	Nguyễn Thị	Trâm	26/02/2000	CĐQTDN22E	
11	**02037**	1850179	Nguyễn Hoài	Trâm	08/11/2000	CĐTATM22E	
12	**02038**	1820360	Huỳnh Ngọc	Trâm	12/02/2000	CĐKDXK22B2	
13	**02039**	1821274	Phạm Thị Ngọc	Trâm	24/07/2000	CĐKDXK22E1	
14	**02040**	1810459	Nguyễn Thị Bích	Trâm	06/08/2000	CĐKTDN22D	
15	**02041**	1850960	Đặng Thị Hoài	Trâm	24/05/2000	CĐTATM22L	
16	**02042**	1830882	Nguyễn Thị Minh	Trâm	19/09/2000	CĐQTDN22E	
17	**02043**	1830485	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	17/01/2000	CĐMATM22D	
18	**02044**	1820734	Hồ Thị Quế	Trâm	19/01/2000	CĐLOGT22D	
19	**02045**	1850226	Nguyễn Thị Thủy	Trâm	27/06/1999	CĐTATM22F	
20	**02046**	1820833	Trương Thị	Trâm	20/11/2000	CĐKDXK22C5	
21	**02047**	1821886	Ngô Thị Mỹ	Trầm	26/08/1995	CĐKDXK22F6	
22	**02048**	1810002	Trần Ngọc Quế	Trân	07/02/2000	CĐKTDN22A	
23	**02049**	1820236	Trần Ngọc Bảo	Trân	11/09/2000	CĐKDXK22A5	
24	**02050**	1820048	Lưu Thị Quế	Trân	20/02/2000	CĐKDXK22A1	
25	**02051**	1830932	Nguyễn Thị Huyền	Trân	16/01/2000	CĐQTKS22I	
26	**02052**	1851258	Trần Lê Bảo	Trân	01/10/2000	CĐTATM22N	
27	**02053**	1821230	Huỳnh Ngọc	Trân	29/08/2000	CĐKDXK22D6	
28	**02054**	1841983	Lương Khuất Mỹ	Trân	23/12/1999	CĐTCDN22C	
29	**02055**	1821614	Lê Thị Bích	Trân	03/01/2000	CĐLOGT22K	
30	**02056**	1821385	Võ Thị Bảo	Trân	04/06/2000	CĐKDXK22E3	
31	**02057**	1820329	Phạm Ngọc Hồng	Trân	04/03/2000	CĐKDXK22B1	
32	**02058**	1820775	Trần Ngọc Bảo	Trân	09/12/2000	CĐKDXK22C4	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D401 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02059**	1831309	Võ Trương Bảo	Trân	17/05/2000	CĐQTKS22M	
2	**02060**	1851382	Lê Thị Ngọc	Trân	27/05/2000	CĐTATM22Q	
3	**02061**	1811194	Võ Thị Quế	Trân	28/02/2000	CĐLOGT22G	
4	**02062**	1831343	Đoàn Thị	Trang	03/03/2000	CĐQTDN22G	
5	**02063**	1821148	Lê Thị Kiều	Trang	02/03/2000	CĐKDXK22D5	
6	**02064**	1820994	Nguyễn Thị Thanh	Trang	24/07/2000	CĐKDXK22D2	
7	**02065**	1821242	Lê Thị Minh	Trang	27/09/2000	CĐKDXK22D6	
8	**02066**	1821804	Trần Thị	Trang	30/11/2000	CĐLOGT22L	
9	**02067**	1831305	Hà Thị	Trang	30/12/2000	CĐMATM22L	
10	**02068**	1820408	Nguyễn Thùy	Trang	15/02/2000	CĐLOGT22C	
11	**02069**	1830462	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	05/01/2000	CĐQTKS22E	
12	**02070**	1820222	Nguyễn Thị Thùy	Trang	01/03/2000	CĐLOGT22B	
13	**02071**	1820967	Nguyễn Thị	Trang	15/05/2000	CĐKDXK22D2	
14	**02072**	1820851	Nguyễn Phạm Kiều	Trang	03/02/2000	CĐKDXK22C5	
15	**02073**	1830668	Nguyễn Hoàng Lệ	Trang	28/07/2000	CĐQTKS22G	
16	**02074**	1821543	Lê Thị Thùy	Trang	27/11/2000	CĐKDXK22E6	
17	**02075**	1820890	Hà Thùy	Trang	20/01/2000	CĐKDXK22C6	
18	**02076**	1820573	Nguyễn Thị Hồng	Trang	02/05/2000	CĐLOGT22C	
19	**02077**	1832028	Dương Khánh	Trang	02/09/2000	CĐMATM22Q	
20	**02078**	1820279	Nguyễn Thị Diệu	Trang	06/08/2000	CĐLOGT22B	
21	**02079**	1830840	Trần Thị Hiền	Trang	09/06/2000	CĐMATM22G	
22	**02080**	1822023	Trần Thùy	Trang	16/05/2000	CĐKDXK22G2	
23	**02081**	1850176	Nguyễn Như	Trang	02/08/2000	CĐTATM22E	
24	**02082**	1830455	Nguyễn Thùy	Trang	14/11/2000	CĐKDXK22B4	
25	**02083**	1820627	Đào Ngọc Minh	Trang	25/10/2000	CĐKDXK22C1	
26	**02084**	1850180	Lê Kiều Thu	Trang	05/10/2000	CĐTATM22E	
27	**02085**	1821794	Phạm Huyền	Trang	31/05/2000	CĐLOGT22L	
28	**02086**	1811453	Vũ Thị Thảo	Trang	09/05/2000	CĐKTDN22L	
29	**02087**	1821228	Võ Thị Thùy	Trang	01/01/2000	CĐKDXK22D6	
30	**02088**	1820293	Lê Thị Huyền	Trang	11/09/2000	CĐKDXK22A6	
31	**02089**	1821764	Nguyễn Thị Thùy	Trang	04/06/2000	CĐKDXK22F4	
32	**02090**	1850053	Nguyễn Thị Thùy	Trang	15/08/2000	CĐTATM22B	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D402 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02091**	1820072	Bùi Thị Thảo	Trang	22/10/2000	CĐKDXK22A2	
2	**02092**	1820460	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	12/03/1999	CĐLOGT22C	
3	**02093**	1831752	Trần Huỳnh	Trang	06/10/2000	CĐQTDN22K	
4	**02094**	1821695	Bùi Thị Thu	Trang	17/09/2000	CĐKDXK22F3	
5	**02095**	1821347	Trần Thị Thùy	Trang	28/10/2000	CĐKDXK22E2	
6	**02096**	1831479	Võ Thị Thúy	Trang	12/01/2000	CĐMATM22M	
7	**02097**	1850094	Nguyễn Thiên	Trang	29/05/2000	CĐTATM22C	
8	**02098**	1810295	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/08/2000	CĐKTDN22C	
9	**02099**	1831117	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/03/2000	CĐLOGT22G	
10	**02100**	1830596	Trần Thị Thuỳ	Trang	04/09/2000	CĐQTKS22F	
11	**02101**	1831268	Trần Thị Huyền	Trang	03/02/2000	CĐQTDN22I	
12	**02102**	1830092	Lê Thị Thùy	Trang	15/09/2000	CĐMATM22A	
13	**02103**	1821309	Huỳnh Lê Kiều	Trang	03/01/2000	CĐKDXK22E2	
14	**02104**	1830250	Trịnh Thị Kiều	Trang	28/11/2000	CĐQTDN22B	
15	**02105**	1820874	Nguyễn Thị Diễm	Trang	03/05/2000	CĐKDXK22C6	
16	**02106**	1810978	Trần Thị Thì	Trang	28/01/2000	CĐKTDN22H	
17	**02107**	1851306	Nguyễn Thị	Trang	29/10/2000	CĐTATM22O	
18	**02108**	1851173	Dương Thị Thùy	Trang	10/04/2000	CĐTATM22L	
19	**02109**	1830138	Đặng Thị Linh	Trang	22/11/2000	CĐMATM22A	
20	**02110**	1821495	Trần Thị Thu	Trang.	03/09/2000	CĐKDXK22E5	
21	**02111**	1830734	Nguyễn Minh	Trí	05/01/2000	CĐQTDN22D	
22	**02112**	1820605	Võ Thị Lý	Triều	03/11/2000	CĐKDXK22C1	
23	**02113**	1830745	Nguyễn Trần Nhật	Triều	28/07/2000	CĐQTKS22G	
24	**02114**	1860726	Trần Ngọc	Triệu	09/03/2000	CĐTHQL22A	
25	**02115**	1831594	Đặng Tuyết	Trinh	27/07/2000	CĐQTDN22I	
26	**02116**	1830605	Võ Thị Kiều	Trinh	27/09/2000	CĐMATM22E	
27	**02117**	1830588	Phạm Kiều Diễm Hồng	Trinh	09/08/2000	CĐQTKS22F	
28	**02118**	1831160	Trần Thị Minh	Trinh	17/06/2000	CĐQTKS22L	
29	**02119**	1830546	Trần Ngọc Diễm	Trinh	29/01/2000	CĐKDXK22B6	
30	**02120**	1821714	Nguyễn Thị	Trinh	06/03/2000	CĐKDXK22F3	
31	**02121**	1810826	Vũ Thị Mộng	Trinh	22/02/2000	CĐKTDN22F	
32	**02122**	1811787	Nguyễn Thị Thanh	Trinh	09/09/2000	CĐKTDN22N	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D403 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02123**	1811630	Nguyễn Hoài	Trinh	27/11/2000	CĐKTDN22N	
2	**02124**	1830561	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	18/02/2000	CĐMATM22D	
3	**02125**	1820168	Phạm Ngọc Diễm	Trinh	11/02/2000	CĐKDXK22A4	
4	**02126**	1831764	Vũ Thị	Trinh	22/06/1999	CĐQTDN22K	
5	**02127**	1850040	Trần Ngọc Phương	Trinh	22/03/2000	CĐTATM22A	
6	**02128**	1821443	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	24/02/2000	CĐKDXK22E4	
7	**02129**	1830352	Phạm Thị Hồng	Trinh	25/02/2000	CĐQTDN22B	
8	**02130**	1850787	Nguyễn Thị Ánh	Trinh	28/11/2000	CĐTATM22H	
9	**02131**	1850084	Trần Thị Diễm	Trinh	07/06/2000	CĐTATM22C	
10	**02132**	1851396	Lê Kiều	Trinh	12/06/2000	CĐTATM22Q	
11	**02133**	1821075	Lê Thị Kiều	Trinh	21/10/2000	CĐKDXK22D4	
12	**02134**	1810061	Nguyễn Thị Huệ	Trinh	07/05/2000	CĐKTDN22B	
13	**02135**	1830756	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	06/08/2000	CĐQTKS22G	
14	**02136**	1820761	Phạm Thị Lan	Trinh	18/06/2000	CĐKDXK22C4	
15	**02137**	1830170	Lê Thị Tố	Trinh	01/01/2000	CĐMATM22B	
16	**02138**	1830738	Ngô Thị Thục	Trinh	11/01/2000	CĐQTKS22G	
17	**02139**	1831140	Nguyễn Kiều	Trinh	25/03/2000	CĐQTDN22F	
18	**02140**	1820748	Nguyễn Duy Phương	Trinh	13/10/2000	CĐKDXK22C3	
19	**02141**	1850031	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	01/11/2000	CĐTATM22A	
20	**02142**	1831631	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	17/03/2000	CĐQTKS22P	
21	**02143**	1820007	Nguyễn Ngọc Lan	Trinh	10/07/2000	CĐKDXK22A1	
22	**02144**	1830576	Phan Thị Cát	Trinh	11/03/2000	CĐMATM22D	
23	**02145**	1820050	Lê Thị Phương	Trinh	20/12/2000	CĐKDXK22A2	
24	**02146**	1821925	Trần Thị Lan	Trinh	16/12/2000	CĐLOGT22M	
25	**02147**	1851439	Lê Thị Kiều	Trinh	06/03/2000	CĐTATM22S	
26	**02148**	1850954	Trương Thị Tuyết	Trinh	08/10/2000	CĐTATM22L	
27	**02149**	1820116	Huỳnh Bá	Trọng	16/02/2000	CĐLOGT22A	
28	**02150**	1820267	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	07/04/2000	CĐLOGT22B	
29	**02151**	1820193	Đàm Thị Thạch	Trúc	31/08/2000	CĐKDXK22A4	
30	**02152**	1831052	Trần Thị Như	Trúc	20/07/2000	CĐMATM22I	
31	**02153**	1830555	Lê Thị Thanh	Trúc	15/11/2000	CĐMATM22D	
32	**02154**	1811479	Nguyễn Thị	Trúc	28/01/2000	CĐKTDN22M	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D404 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02155**	1831832	Lư Ngọc Thanh	Trúc	06/09/2000	CĐTMDT22C	
2	**02156**	1820790	Trần Thị	Trúc	28/10/2000	CĐLOGT22D	
3	**02157**	1830750	Trần Thị Thanh	Trúc	12/09/2000	CĐMATM22F	
4	**02158**	1851354	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	04/09/1999	CĐTATM22P	
5	**02159**	1821775	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	22/10/2000	CĐKDXK22F4	
6	**02160**	1830045	Lê Thị Thanh	Trúc	22/04/2000	CĐQTDN22A	
7	**02161**	1831488	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	13/05/2000	CĐQTDN22H	
8	**02162**	1821887	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16/10/2000	CĐLOGT22M	
9	**02163**	1830016	Thái Bình	Trung	20/04/2000	CĐQTDN22A	
10	**02164**	1830037	Nguyễn Đang	Trường	15/01/2000	CĐQTDN22A	
11	**02165**	1820438	Trần Lê Lam	Trường	04/01/2000	CĐKDXK22B3	
12	**02166**	1821741	Võ Ngọc Xuân	Trường	18/05/1999	CĐQTKS22Q	
13	**02167**	1821895	Nguyễn Xuân	Trường	20/03/2000	CĐKDXK22G1	
14	**02168**	1821400	Võ Văn	Trường	08/08/2000	CĐKDXK22H	
15	**02169**	1830163	Lê Trương Nhật	Trường	31/10/2000	CĐQTKS22B	
16	**02170**	1831308	Võ Lâm	Trường	05/04/2000	CĐMATM22L	
17	**02171**	1830198	Ngô Huỳnh	Trường	11/10/2000	CĐQTKS22B	
18	**02172**	1820671	Trần Thị Xuân	Truyền	08/03/2000	CĐKDXK22C2	
19	**02173**	1831769	Nguyễn Kế	Truyền	01/04/2000	CĐQTKS22Q	
20	**02174**	1830245	Võ Thị Thanh	Truyền	24/05/2000	CĐKDXK22A6	
21	**02175**	1831546	Nguyễn Thị Thanh	Tú	02/02/2000	CĐQTDN22H	
22	**02176**	1810008	Lê Thị Cẩm	Tú	11/01/2000	CĐKTDN22A	
23	**02177**	1832039	Lê Thị Thanh	Tú	11/11/2000	CĐQTKS22R	
24	**02178**	1830434	Võ Thị Thanh	Tú	09/11/2000	CĐKDXK22B3	
25	**02179**	1821460	Đoàn Công	Tú	25/07/2000	CĐKDXK22E5	
26	**02180**	1820608	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/07/2000	CĐKDXK22C1	
27	**02181**	1820014	Nguyễn Anh	Tú	26/09/2000	CĐKDXK22I	
28	**02182**	1821629	Trần Thị Cẩm	Tú	28/09/2000	CĐKDXK22F2	
29	**02183**	1811306	Lê Trần Thanh	Tú	05/11/2000	CĐQTDN22G	
30	**02184**	1811450	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	13/08/2000	CĐKTDN22L	
31	**02185**	1820364	Hứa Cẩm	Tú	19/12/2000	CĐKDXK22B2	
32	**02186**	1820467	Trần Thị Thanh	Tú	12/01/2000	CĐKDXK22B4	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D503 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02187**	1821318	Trần Thanh	Tú	14/09/2000	CĐKDXK22E2	
2	**02188**	1851359	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/09/2000	CĐTATM22Q	
3	**02189**	1831450	Lê Đoàn Xuân	Tú	01/04/2000	CĐMATM22M	
4	**02190**	1820004	Trần Thị	Tư	04/09/2000	CĐKDXK22A1	
5	**02191**	1831146	Nguyễn Trung	Tuấn	26/07/2000	CĐQTKS22L	
6	**02192**	1830151	Nguyễn Thanh	Tuấn	19/01/2000	CĐMATM22B	
7	**02193**	1810213	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/02/2000	CĐKTDN22C	
8	**02194**	1830010	Võ Thanh	Tùng	26/07/2000	CĐQTDN22A	
9	**02195**	1830618	Lê Duy	Tùng	10/11/1999	CĐQTKS22F	
10	**02196**	1830845	Nguyễn Thị Loan	Tường	09/01/2000	CĐQTDN22E	
11	**02197**	1831085	Nguyễn Diệu Cát	Tường	11/10/2000	CĐKDXK22D4	
12	**02198**	1821931	Nguyễn Thúy	Tường	30/05/2000	CĐKDXK22G1	
13	**02199**	1820397	Nguyễn Thị Cát	Tường	13/09/2000	CĐKDXK22B3	
14	**02200**	1851270	Trương Thị Ngọc	Tuyên	03/09/2000	CĐTATM22N	
15	**02201**	1830034	Vũ Thị	Tuyên	16/04/2000	CĐQTDN22A	
16	**02202**	1820256	Nguyễn Thi Kim	Tuyến	23/09/2000	CĐKDXK22A6	
17	**02203**	1820133	Trần Thị Anh	Tuyến	05/02/2000	CĐLOGT22A	
18	**02204**	1831665	Võ Thị Kim	Tuyến	16/01/2000	CĐTMDT22C	
19	**02205**	1820363	Đinh Thị Thanh	Tuyền	09/01/2000	CĐKDXK22B2	
20	**02206**	1810037	Huỳnh Thị Phượng	Tuyền	25/09/2000	CĐKTDN22A	
21	**02207**	1830174	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	01/01/2000	CĐMATM22B	
22	**02208**	1850092	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	04/04/2000	CĐTATM22C	
23	**02209**	1830698	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	15/06/2000	CĐQTKS22G	
24	**02210**	1831506	Hà Thị Kim	Tuyền	08/10/2000	CĐQTKS22O	
25	**02211**	1820020	Nguyễn Thanh	Tuyền	10/09/2000	CĐKDXK22A1	
26	**02212**	1821296	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	06/07/2000	CĐKDXK22E1	
27	**02213**	1830123	Phan Thị Thanh	Tuyền	27/10/2000	CĐQTDN22A	
28	**02214**	1851180	Lê Cẩm Thanh	Tuyền	19/05/2000	CĐTATM22L	
29	**02215**	1850008	Nguyễn Thị Sơn	Tuyền	04/01/1999	CĐTATM22A	
30	**02216**	1821846	Võ Thị Thanh	Tuyền	11/01/2000	CĐKDXK22F6	
31	**02217**	1850961	Lương Thị Kim	Tuyền	02/04/2000	CĐTATM22L	
32	**02218**	1811819	Võ Thị Ánh	Tuyết	04/08/2000	CĐKTDN22O	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D504 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02219**	1820284	Lê Thị	Tuyết	15/09/2000	CĐKDXK22A6	
2	**02220**	1831009	Nguyễn Thị	Tuyết	17/02/2000	CĐQTKS22K	
3	**02221**	1820612	Trương Ngọc Ánh	Tuyết	31/12/2000	CĐKDXK22C1	
4	**02222**	1811201	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	07/03/2000	CĐKTDN22I	
5	**02223**	1830594	Nguyễn Thị	Tuyết	07/10/2000	CĐTMDT22A	
6	**02224**	1810989	Vũ Thị Mỹ	Uyên	11/04/2000	CĐKTDN22H	
7	**02225**	1820099	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	28/08/2000	CĐKDXK22I	
8	**02226**	1810272	Lê Thị Ngọc	Uyên	07/12/2000	CĐKTDN22C	
9	**02227**	1830690	Ngô Mỹ	Uyên	01/11/2000	CĐMATM22F	
10	**02228**	1820672	Trần Thị Mỹ	Uyên	20/11/2000	CĐKDXK22C2	
11	**02229**	1830132	Trần Minh	Uyên	01/09/2000	CĐQTKS22B	
12	**02230**	1821880	Lê Phạm Phương	Uyên	06/05/2000	CĐKDXK22F6	
13	**02231**	1820539	Ngô Thị Bích	Uyên	19/11/2000	CĐKDXK22B5	
14	**02232**	1850778	Phạm Nguyễn Ngọc	Uyên	07/09/2000	CĐTATM22H	
15	**02233**	1831429	Dương Duy	Uyên	31/07/2000	CĐQTKS22N	
16	**02234**	1820723	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	25/02/2000	CĐKDXK22C3	
17	**02235**	1850950	Nguyễn Thị Vân	Uyên	04/03/2000	CĐTATM22L	
18	**02236**	1850153	Đặng Thị Thảo	Uyên	08/10/2000	CĐTATM22D	
19	**02237**	1820583	Cao Thị Thúy	Uyên	13/09/2000	CĐKDXK22B6	
20	**02238**	1830506	Lưu Thị Tố	Uyên	05/06/2000	CĐQTKS22E	
21	**02239**	1820412	Lương Thị Tố	Uyên	08/02/2000	CĐKDXK22B3	
22	**02240**	1820857	Nguyễn Ngọc Nguyên	Uyên	25/07/2000	CĐKDXK22C5	
23	**02241**	1851253	Võ Thị Lan	Uyên	29/05/2000	CĐTATM22N	
24	**02242**	1851954	Mai Mỹ	Uyên	29/11/1999	CĐTATM22V	
25	**02243**	1830157	Phạm Thị Kim	Uyên	21/04/2000	CĐQTKS22B	
26	**02244**	1830600	Phạm Thúy	Uyên	12/06/2000	CĐQTKS22F	
27	**02245**	1831503	Phạm Thị Phương	Uyên	28/08/2000	CĐQTDN22H	
28	**02246**	1830134	Trần Thị Thảo	Uyên	15/11/2000	CĐMATM22A	
29	**02247**	1831396	Phạm Thu	Uyên	22/02/2000	CĐQTDN22H	
30	**02248**	1821412	Đỗ Thị Phương	Uyến	27/05/2000	CĐKDXK22E4	
31	**02249**	1851964	Nguyễn Thị Thu	Vân	14/07/2000	CĐTATM22V	
32	**02250**	1820500	Nguyễn Hồng Mộng	Vân	28/04/2000	CĐKDXK22B5	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D013 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02251**	1820662	Hà Thị Thúy Kiều	Vân	02/09/2000	CĐKDXK22C2	
2	**02252**	1830461	Lại Thị Hồng	Vân	19/04/2000	CĐQTDN22C	
3	**02253**	1831432	Ngô Thị Cẩm	Vân	28/02/2000	CĐKTDN22L	
4	**02254**	1820154	Hồ Nguyễn Tường	Vân	22/10/2000	CĐKDXK22A3	
5	**02255**	1821067	Ngô Thanh Tường	Vân	15/08/2000	CĐKDXK22D3	
6	**02256**	1830653	Nguyễn Thị Thùy	Vân	01/08/2000	CĐKDXK22E3	
7	**02257**	1830435	Lê Thị Hồng	Vân	08/08/2000	CĐQTKS22D	
8	**02258**	1850381	Nguyễn Thị Hồng	Vân	10/03/2000	CĐTATM22C	
9	**02259**	1850366	Lê Thị Ngọc	Vân	09/12/2000	CĐTATM22G	
10	**02260**	1841986	Nguyễn Trịnh Thảo	Vân	20/07/2000	CĐTCDN22C	
11	**02261**	1820962	Từ Nữ Song	Vân	12/03/2000	CĐKDXK22D1	
12	**02262**	1831636	Võ Thúy	Vàng	04/11/2000	CĐMATM22O	
13	**02263**	1831095	Huỳnh Kim	Vàng	08/01/2000	CĐQTKS22K	
14	**02264**	1810966	Trương Thị Hồng	Vàng	01/04/2000	CĐKTDN22H	
15	**02265**	1830264	Hồ Thị Kim	Vàng	08/04/1998	CĐQTDN22B	
16	**02266**	1831644	Nguyễn Thị	Vàng	01/08/2000	CĐQTKS22P	
17	**02267**	1850181	Nguyễn Thị Yến	Vi	25/01/2000	CĐTATM22E	
18	**02268**	1850207	Cao Phúc Tường	Vi	14/08/2000	CĐTATM22E	
19	**02269**	1810032	Hoàng Thị Tường	Vi	09/12/2000	CĐKTDN22A	
20	**02270**	1820063	Lê Thị Thanh	Vi	02/06/2000	CĐLOGT22A	
21	**02271**	1851192	Trần Lê Thụy	Vi	19/07/2000	CĐTATM22M	
22	**02272**	1821382	Nguyễn Trần Thúy	Vi	09/10/2000	CĐKDXK22E3	
23	**02273**	1831560	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	16/10/2000	CĐTMDT22C	
24	**02274**	1832051	Lê Anh	Vi	18/04/2000	CĐTMDT22C	
25	**02275**	1821697	Đỗ Thị Tường	Vi	07/05/2000	CĐKDXK22F3	
26	**02276**	1830486	Nguyễn Thị Yến	Vi	20/03/2000	CĐMATM22D	
27	**02277**	1821540	Đặng Thị Tường	Vi	30/01/2000	CĐKDXK22E6	
28	**02278**	1850075	Dương Minh Ngọc	Vi	28/11/2000	CĐTATM22B	
29	**02279**	1822042	Nguyễn Thị Thanh	Vi	06/09/2000	CĐKDXK22D3	
30	**02280**	1821097	Lê Yến	Vi	15/02/2000	CĐKDXK22D4	
31	**02281**	1850390	Nguyễn Thị Tường	Vi	12/02/2000	CĐTATM22G	
32	**02282**	1830196	Hồ Lê Thúy	Vi	17/10/2000	CĐQTKS22B	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D014 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02283**	1850174	Trần Thị Tường	Vi	23/02/2000	CĐTATM22E	
2	**02284**	1820771	Đỗ Ngọc	Vĩ	05/02/2000	CĐKDXK22C4	
3	**02285**	1830207	Võ Văn	Vĩ	27/08/2000	CĐKDXK22A5	
4	**02286**	1822065	Nguyễn Thị Mỹ	Viên	08/07/2000	CĐKDXK22D3	
5	**02287**	1831902	Nguyễn Thị Tường	Viên	10/08/2000	CĐQTKS22R	
6	**02288**	1850043	Nông Hoàng	Viễn	24/02/2000	CĐTATM22B	
7	**02289**	1830118	Phan Lại Thanh	Việt	16/08/2000	CĐQTDN22A	
8	**02290**	1821074	Võ Thị Ngọc	Việt	30/04/2000	CĐKDXK22D4	
9	**02291**	1820278	Nguyễn Đắc Hoàng	Việt	18/11/2000	CĐKDXK22A6	
10	**02292**	1831067	Phan Nhứt	Vinh	02/07/2000	CĐMATM22H	
11	**02293**	1850931	Trần Tiến	Vinh	10/03/2000	CĐTATM22K	
12	**02294**	1830574	Phạm Thị Thanh	Vinh	20/02/2000	CĐQTKS22F	
13	**02295**	1830064	Võ Lê Quy	Vũ	17/07/2000	CĐQTKS22A	
14	**02296**	1820805	Nguyễn Tuấn	Vũ	03/07/1998	CĐKDXK22C5	
15	**02297**	1821542	Hồ Quang	Vũ	28/02/2000	CĐLOGT22K	
16	**02298**	1830895	Hồ Nhật	Vương	25/01/2000	CĐQTDN22E	
17	**02299**	1830341	Nguyễn Thị Hoài	Vy	13/08/2000	CĐMATM22C	
18	**02300**	1841592	Nguyễn Lê Trúc	Vy	15/10/2000	CĐTCDN22B	
19	**02301**	1811490	Nguyễn Thị Tường	Vy	06/06/2000	CĐKTDN22M	
20	**02302**	1811650	Trần Hoàng Khánh	Vy	16/11/2000	CĐKTDN22N	
21	**02303**	1830168	Đào Thị Nhật	Vy	11/02/2000	CĐQTKS22B	
22	**02304**	1821864	Nguyễn Thanh Tường	Vy	26/09/2000	CĐKDXK22F6	
23	**02305**	1822058	Võ Thúy	Vy	17/08/2000	CĐKDXK22I	
24	**02306**	1830843	Phan Thị Ngọc	Vy	08/01/2000	CĐTMDT22A	
25	**02307**	1821265	Phan Mộng Ái	Vy	10/03/2000	CĐKDXK22E1	
26	**02308**	1831005	Phạm Trần Diễm	Vy	28/08/2000	CĐQTKS22I	
27	**02309**	1820161	Võ Nguyên Bảo	Vy	01/05/2000	CĐKDXK22A4	
28	**02310**	1831144	Nguyễn Thị Lệ	Vy	04/04/2000	CĐQTDN22F	
29	**02311**	1821849	Cao Thị Tường	Vy	29/08/2000	CĐLOGT22L	
30	**02312**	1820618	Ngô Thị Triều	Vy	05/08/2000	CĐKDXK22I	
31	**02313**	1821688	Trần Thị Hạ	Vy	16/10/2000	CĐLOGT22L	
32	**02314**	1820489	Nguyễn Thị Thúy	Vy	08/08/2000	CĐLOGT22C	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D001 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02315**	1850034	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	15/09/2000	CĐTATM22A	
2	**02316**	1821756	Cao Thị Thảo	Vy	18/07/2000	CĐKDXK22F4	
3	**02317**	1820144	Nguyễn Thị Thảo	Vy	23/06/2000	CĐLOGT22A	
4	**02318**	1830033	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	08/06/2000	CĐQTKS22A	
5	**02319**	1821686	Nhan Thị Tường	Vy	03/08/1999	CĐKDXK22F3	
6	**02320**	1830503	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	22/11/2000	CĐQTDN22C	
7	**02321**	1830261	Trương Thanh	Vy	01/04/2000	CĐMATM22B	
8	**02322**	1830661	Vũ Thị	Vy	21/09/2000	CĐMATM22E	
9	**02323**	1830274	Nguyễn Lê Hoài	Vy	03/11/2000	CĐMATM22C	
10	**02324**	1831061	Nguyễn Lê Yến	Vy	20/06/2000	CĐMATM22I	
11	**02325**	1811460	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	21/05/2000	CĐKTDN22L	
12	**02326**	1851347	Nguyễn Thị Thúy	Vy	19/05/2000	CĐTATM22P	
13	**02327**	1830404	Nguyễn Thị Thúy	Vy	24/07/2000	CĐQTDN22C	
14	**02328**	1810994	Nguyễn Hạ	Vy	31/10/2000	CĐKTDN22H	
15	**02329**	1810020	Trần Thị Yến	Vy	15/08/2000	CĐKTDN22A	
16	**02330**	1840849	Nguyễn Thị Bích	Vỹ	01/11/2000	CĐTCDN22B	
17	**02331**	1821277	Đinh Thị Châu	Xanh	23/04/2000	CĐKDXK22E1	
18	**02332**	1821376	Huỳnh Thị Thanh	Xuân	25/01/2000	CĐKDXK22I	
19	**02333**	1820529	Phạm Thị Mỹ	Xuân	30/12/2000	CĐLOGT22C	
20	**02334**	1851221	Võ Thị	Xuân	20/01/2000	CĐTATM22M	
21	**02335**	1850804	Nguyễn Thị	Xuân	18/08/2000	CĐTATM22I	
22	**02336**	1851947	Cao Nguyên Bảo	Xuyên	08/01/2000	CĐTATM22U	
23	**02337**	1831557	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	22/06/2000	CĐQTDN22H	
24	**02338**	1851403	Lê Kim	Xuyến	23/12/2000	CĐTATM22R	
25	**02339**	1831693	Lê Như	Ý	09/04/2000	CĐQTDN22I	
26	**02340**	1821068	Lê Bùi Như	Ý	23/03/2000	CĐKDXK22D3	
27	**02341**	1820111	Nguyễn Thị	Ý	18/04/2000	CĐKDXK22A3	
28	**02342**	1821471	Nguyễn Thị Như	Ý	26/11/2000	CĐLOGT22I	
29	**02343**	1830972	Nguyễn Trần Như	Ý	15/09/2000	CĐMATM22H	
30	**02344**	1810879	Võ Thị Như	Ý	27/05/2000	CĐKTDN22G	
31	**02345**	1820905	Nguyễn Thành	Ý	14/10/2000	CĐKDXK22C6	
32	**02346**	1821781	Huỳnh Thị Như	Ý	04/01/2000	CĐKDXK22F5	
33	**02347**	1821149	Tôn Thị Như	Ý	04/06/2000	CĐKDXK22D5	
34	**02348**	1821101	Nguyễn Thị Như	Ý	03/11/2000	CĐKDXK22D4	
35	**02349**	1820423	Võ Thị Như	Ý	19/08/2000	CĐKDXK22B3	
36	**02350**	1830858	Nguyễn Thị Như	Ý	24/06/2000	CĐQTKS22H	
37	**02351**	1821694	Ngô Thị Bình	Yên	11/10/2000	CĐKDXK22F3	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **37** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ D

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
Phòng thi: D002 **Nhóm:** *14g30_THI NGHE*

Danh sách thi được sắp xếp theo khóa và thứ tự abc

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**02352**	1830255	Nguyễn Thị Thu	Yên	14/05/2000	CĐQTKS22C	
2	**02353**	1830266	Lê Thị Kim	Yến	15/02/2000	CĐQTKS22C	
3	**02354**	1820073	Lý Ngọc	Yến	06/02/2000	CĐKDXK22A2	
4	**02355**	1820493	Bùi Nguyễn Hải	Yến	10/07/2000	CĐKDXK22B4	
5	**02356**	1851407	Nguyễn Hải	Yến	27/09/2000	CĐTATM22R	
6	**02357**	1820505	Nguyễn Thị Hải	Yến	13/11/2000	CĐKDXK22B5	
7	**02358**	1831545	Nguyễn Thị Kim	Yến	04/02/2000	CĐQTKS22O	
8	**02359**	1820129	Phạm Nguyễn Hoàng	Yến	21/04/2000	CĐKDXK22A3	
9	**02360**	1830556	Võ Thị Kim	Yến	15/12/2000	CĐMATM22D	
10	**02361**	1850150	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	14/01/1997	CĐTATM22D	
11	**02362**	1830189	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	17/05/2000	CĐMATM22B	
12	**02363**	1900378	Nguyễn Thị Lan	Anh	07/09/2001	CĐKDXK23A4	
13	**02364**	1901841	Phạm Thị Thùy	Dương	04/03/2001	CĐTATM23E	
14	**02365**	1900003	Lê Thị Thùy	Dương	22/02/2001	CĐLOGT23A	
15	**02366**	1903075	Nguyễn Minh	Duy	18/10/2001	CĐQTKD23I	
16	**02367**	1903088	Nguyễn Phúc Trúc	Hà	25/02/2001	CĐQTKD23I	
17	**02368**	1903126	Nguyễn Phú	Hội	29/10/2001	CĐLOGT23H	
18	**02369**	1900394	Nguyễn Thị Thanh	Hương	30/05/2001	CĐKDXK23A5	
19	**02370**	1900586	Phan Hồng	Linh	19/05/2001	CĐKDXK23A6	
20	**02371**	1902903	Võ Thị Thu	Linh	18/01/2001	CĐQTKS23G	
21	**02372**	1903064	Lê Thảo	Nghi	24/10/2001	CĐQTKD23I	
22	**02373**	1902519	Từ Thị	Nhật	30/08/2001	CĐKDXK23D4	
23	**02374**	1900656	Hồ Thị Ngọc	Nhi	01/01/2001	CĐLOGT23B	
24	**02375**	1900607	Lê Thị Huỳnh	Như	29/08/2001	CĐLOGT23B	
25	**02376**	1901776	Ngô Thị Ngọc	Oanh	01/05/2001	CĐTATM23E	
26	**02377**	1903093	Nông Thị Bích	Phượng	21/08/2001	CĐQTKD23I	
27	**02378**	1900701	Nguyễn Thị Thu	Thảo	23/10/2001	CĐLOGT23B	
28	**02379**	1900372	Trần Thị Ngọc	Thiên	11/04/2001	CĐKDXK23A4	
29	**02380**	1900330	Trương Thị Minh	Thư	01/04/2001	CĐKDXK23A4	
30	**02381**	1903345	Dương Thị Kim	Thuý	10/05/2001	CĐQTKD23K	
31	**02382**	1903424	Trần Thị Cẩm	Tiên	02/10/2001	CĐQTKD23K	
32	**02383**	1900961	Lê Thị Thùy	Trang	01/08/2001	CĐLOGT23B	
33	**02384**	1901472	Lâm Cẩm	Tú	16/02/2001	CĐLOGT23D	
34	**02385**	1902646	Huỳnh Hà Như	Tuyền	12/12/2001	CĐLOGT23G	
35	**02386**	1902186	Huỳnh Thị Thảo	Vy	22/03/2001	CĐLOGT23E	
36	**02387**	1900363	Bùi Nhật	Yến	22/09/2001	CĐKDXK23A4	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **36** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng